

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/DS-ST**

Ngày: 06/6/2019

V/v: Tranh chấp dân sự  
“đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Hồ Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm: 1963 (Có mặt);

Bà Trà Thị M, sinh năm: 1963 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp MĐA, xã VK, huyện AM, Kiên Giang.

\* Bị đơn: Bà Võ Thị Kim B, sinh năm: 1965 (Vắng mặt không có lý do)

Hộ khẩu thường trú: Ấp KS, xã KB, huyện KL, Kiên Giang.

Tạm trú: Ấp MĐA, xã VK, huyện AM, Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn Đ và bà Trà Thị M trình bày như sau: Vào năm 2000, bà B có cớ 05 công đất ruộng tầm 3m cho anh Nguyễn Văn K với giá là 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%).

Đến năm 2002, bà B chuyển nhượng phần đất 05 công đất ruộng tầm 3m (đã cầm cớ cho anh Không) cho vợ chồng ông Đ, bà M với số vàng là 30 chỉ vàng 24kr

(loại 98%) trong khi thời hạn cầm cố phần đất này cho anh K chưa hết. Sau đó đến năm 2008, bà B K có khả năng chuộc lại đất nên bà B có nhờ vợ chồng ông bà nhận trả thay số vàng mà bà B đã cố cho anh K. Việc thỏa thuận trả vàng cố đất giữa ông Đ, bà B và anh K chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Mục đích ông Đ đứng ra nhận trả vàng thay bà B là do bà B đi làm ăn xa nên ông Đ đứng ra nhận trách nhiệm để khi bà B làm có tiền gửi về ông Đ nhận thì ông Đ trả cho anh K.

Nhưng sau khi thỏa thuận thì bà B không gửi tiền về để ông Đ trả cho anh K nên anh K khởi kiện buộc ông Đ trả 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) mà bà B đã cầm cố đất. Hiện nay, ông Đ đã trả cho anh K 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) thông qua việc thi hành án. Sau khi ông Đ trả vàng cho anh K thì đến nay bà B K trả lại số vàng nói trên cho ông. Hoàn cảnh gia đình ông khó khăn nên để có số vàng trả thay bà B thì vợ chồng ông Đ, bà M phải đi vay Ngân hàng và đến nay ông bà cũng chưa trả được số tiền vay này.

Ông bà gặp bà B để nhắc nhở rất nhiều lần nhưng bà B cố tình tránh né không trả lại số vàng nói trên cho ông bà nên ông bà khởi kiện yêu cầu bà B trả cho ông bà 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) mà ông Đ đã trả cho anh K không thay cho bà B. Ngoài ra, ông bà không yêu cầu gì thêm.

\* Tại bản tự khai ngày 20/02/2019, bà Võ Thị Kim B trình bày như sau: Bà đồng ý trả cho vợ chồng ông Đ, bà M 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) như ông Đ và bà M yêu cầu. Nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng là 01 chỉ vàng 24kr (loại 98%) cho đến khi hết nợ.

\* *Tại phiên tòa:* Ông Đ yêu cầu bà Võ Thị Kim B trả cho vợ chồng ông số vàng là 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%). Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Bà M và bà B vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà B vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã triệu tập lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa nhưng bà B vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của bà B không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt Võ Thị Kim B. Quan hệ pháp luật xảy ra tranh chấp giữa ông Đ, bà M và bà B được xác định là “*Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản*”.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Vào năm 2008, ông Đ có nhận trả thay bà B số vàng là 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) cho anh Nguyễn Văn K (đã trả qua thi hành án) do bà B cầm cố 05 công đất cho anh K mà bà B không có khả năng chuộc lại. Nhưng từ khi trả cho anh K đến nay, bà B không trả lại số vàng nói trên cho ông mặc dù vợ chồng ông có nhắc nhở bà B nhiều lần mà bà B vẫn không trả nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B trả lại cho ông bà 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) mà ông bà đã trả cho anh K thay bà B.

2.1 Xét yêu cầu của ông Đ, bà M về việc yêu cầu bà B trả cho vợ chồng ông bà 01 lần 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) khi án có hiệu lực. HĐXX xét thấy, tài liệu chứng cứ mà ông Đ, bà M cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của ông bà có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện việc ông Đ, anh K và bà B có gặp nhau thỏa thuận chỉ bằng lời nói về việc ông Đ nhận trả cho anh K 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) thay bà B. Mặc dù, việc thỏa thuận này không có sự ủy quyền của bà B nhưng bà B cũng không phản đối và ông Đ đã tự nguyện thực hiện việc trả vàng cho anh K thông qua thi hành án.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bà B xác nhận còn nợ ông Đ, bà M 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) và do hoàn cảnh khó khăn nên bà B xin trả dần mỗi tháng là 01 chỉ vàng cho đến khi hết nợ. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu của ông Đ, bà M là có căn cứ chấp nhận.

2.2 HĐXX xét thấy, sau khi thụ lý vụ án thì bà B gửi văn bản nêu ý kiến của bà đối với yêu cầu của ông Đ, bà M nhưng tại phiên tòa bà B vắng mặt và ông Đ cũng không đồng ý việc trả dần như ý kiến của bà B nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Ngoài ra, từ khi ông Đ thực hiện việc trả vàng cho anh K không như đã thỏa thuận thông qua việc thi hành án thì đến nay bà B vẫn chưa trả lại vàng cho ông Đ, bà M là bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả vàng lại cho ông Đ nên bà B có trách nhiệm trả 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) theo yêu cầu của ông Đ, bà M là phù hợp.

Từ những cơ sở nêu trên, HĐXX buộc bà Võ Thị Kim B có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn Đ và bà Trà Thị M 16 chỉ vàng 24kr (loại 98%) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của ông Đ và bà M được chấp nhận nên hoàn trả lại cho ông Đ và bà M số tiền tạm ứng án phí là 1.360.000 đồng mà ông bà đã nộp theo lai thu số số 0006063 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Võ Thị Kim B phải chịu án phí trên số vàng phải trả cho ông Đ, bà M là  $[(16 \text{ chỉ vàng } 24\text{kr } 98\% \times 3.600.000 \text{ đồng}) \times 5\%] = 2.880.000 \text{ đồng}$  (*Hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

[4] *Quyền kháng cáo*: Ông Võ Văn Đ có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/6/2019). Riêng bà Trà Thị M và bà Võ Thị Kim B có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 274, khoản 3 Điều 275, khoản 1 Điều 276 và khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. (*Tương ứng với Điều 280, khoản 3 Điều 281, khoản 1 Điều 282 và Điều 302 BLDS 2005*)

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Võ Thị Kim B trả cho ông Võ Văn Đ và bà Trà Thị M 16 (*mười sáu*) chỉ vàng 24kr (loại 98%).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả lại cho ông Võ Văn Đ, bà Trà Thị M số tiền tạm ứng án phí là 1.360.000 đồng mà ông bà đã nộp theo lai thu số 0006063 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc bà Võ Thị Kim B phải chịu án phí là 2.880.000 đồng (*Hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

3. *Quyền kháng cáo*: Ông Võ Văn Đ có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/6/2019).

Riêng bà Trà Thị M và bà Võ Thị Kim B có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Thị Cẩm Linh**